

CTCP Tập đoàn FPT (FPT)

Xu hướng hồi phục được xác nhận

05/12/2025

Chuyên viên phân tích Nguyễn Việt Anh
anhnv3@kbsec.com.vn
(+84) 24-7303-5333

Doanh thu hoạt động kinh doanh cốt lõi 3Q2025 tăng trưởng thấp

Doanh thu 3Q2025 của FPT đạt 17,226 tỷ VND (+10% YoY / +3.4% QoQ), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt khoảng 38%. Lợi nhuận sau thuế 3Q2025 ghi nhận 2,740 tỷ VND (+20.4% YoY / -9.5% QoQ). Sau Q3, FPT đã hoàn thành 66.3% kế hoạch doanh thu cả năm (49,949/75,400 tỷ VND) và 67.7% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (9,064/13,394 tỷ VND).

Mảng CNTT nước ngoài: Tăng trưởng hợp đồng ký mới cho thấy dấu hiệu phục hồi

Điểm sáng của FPT trong quý đến từ giá trị hợp đồng ký mới hồi phục mạnh mẽ, đạt 9,454 tỷ VND (+46.6% YoY), đóng góp chính nhờ hợp đồng với tập đoàn năng lượng ở Châu Á có trị giá cao kỷ lục (256 triệu USD).

Mảng viễn thông: Broadband tiếp tục hoạt động hiệu quả và Data Center sẽ trở thành động lực tăng trưởng nhờ dự án mới

Trong Q3/2025, mảng viễn thông ghi nhận tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trước thuế ở mức 2 con số, lần lượt đạt 5,257 tỷ VND (+15% YoY) và 1,132 tỷ VND (+25% YoY). Trong tương lai, dự án Data Center mới khi đi vào vận hành kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu của mảng viễn thông, duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu 9-12%.

Mảng giáo dục: Đối mặt thách thức ngắn hạn trong khi chiến lược đa dạng ngành học cần thời gian để chứng minh hiệu quả

Dự phóng doanh thu mảng giáo dục và đầu tư của FPT tăng 7%/14% YoY trong 2025/2026, tương đương 6,557/7,489 tỷ VND do áp lực cạnh tranh mở rộng chỉ tiêu từ các đối thủ công lập. Trong khi đó, các chương trình giảng dạy mới là chiến lược lâu dài và được kỳ vọng sẽ tăng thu hút người học.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 121,800 VND/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 121,800 VND/cổ phiếu.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 121,800
Tăng/giảm (%)	24.9%
Giá hiện tại (04/12/2025)	VND 97,500
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 121,700
Vốn hóa thị trường	164.6/6.2
(nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	89.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	772.3/30.9
Sở hữu nước ngoài (%)	38.9%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (6.99%)

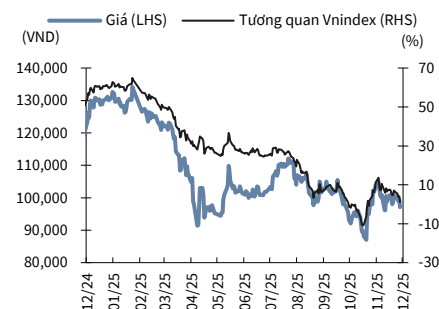
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-6.5	-9.5	-10.9	-19.3
Tương đối	-9.6	-30.3	-37.7	-48.3

Dự phóng KQKD & định giá

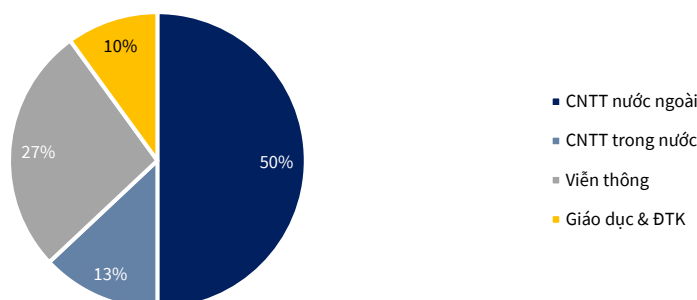
FY-end	2023	2024	2025F	2026F
Doanh số thuần (tỷ VND)	52,618	62,849	69,561	77,053
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	7,788	9,420	11,223	13,155
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	6,465	7,849	9,349	10,958
EPS (VND)	5,091	5,335	6,355	7,449
Tăng trưởng EPS (%)	5.2	5.0	19.0	17.0
P/E (x)	23.9	22.8	19.2	16.4
P/B (x)	5.2	5.0	4.2	3.4
ROE (%)	26.0	26.3	26.0	25.1
Tỷ suất cổ tức (%)	2.3	2.4	2.4	2.4

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cấu trúc doanh thu 2024



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

FPT là tập đoàn đa ngành tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin, với 4 mảng chính: dịch vụ phần mềm, cung cấp hạ tầng viễn thông, giáo dục đào tạo. Chiếm 46% tổng doanh thu của tập đoàn, mảng công nghệ thông tin đang phục vụ các thị trường lớn gồm: Nhật Bản, EU, Mỹ và Đông Nam Á. Hiện đội ngũ kỹ sư công nghệ FPT sở hữu với gần 24,000 người.

Điểm nhấn đầu tư

Chi tiêu công nghệ hồi phục sau bất ổn thương mại toàn cầu giúp doanh thu mảng CNTT nước ngoài của FPT đạt lần lượt 35,114/40,064 tỷ VND (+13%/14% YoY).

Hệ sinh thái mảng viễn thông đóng góp doanh thu ổn định với doanh thu Broadband duy trì ổn định trong khi Data Center và PayTV là động lực tăng trưởng dài hạn.

Đa dạng hóa chương trình đào tạo cần thời gian để chứng minh hiệu quả, trong khi tác động ngắn hạn là chưa đáng kể tới doanh thu, ước đạt 6,278/6,481 tỷ VND (+2%/3% YoY) trong 2025/2026.

Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E
Doanh thu	69,561	77,053	-1%	-2%	70,049	79,793	-1%	-3%
EBIT	11,194	12,846	-1%	-2%	11,849	13,584	-6%	-5%
LNST công ty mẹ	9,349	10,958	3%	1%	9,274	10,701	1%	2%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá

Kịch bản tích cực	VND 128,900 (Số lượng nhân sự và HĐ kí mới tăng nhanh)	Kịch bản cơ sở: 1) HĐ kí mới tăng 10% 2) Số kĩ sư tăng 6% Kịch bản tích cực: 1) HĐ kí mới tăng 14% 2) Số kĩ sư tăng 9% Kịch bản tiêu cực: 1) HĐ kí mới tăng 6% 2) Số kĩ sư tăng 3%
Kịch bản cơ sở (Giá mục tiêu)	VND 121,800	
Kịch bản tiêu cực	VND 115,500 (số lượng nhân sự và HĐ kí mới tăng chậm)	
Giá hiện tại	VND 97,500	

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu 3Q2025 tăng trưởng chậm 10% YoY trong khi giá trị hợp đồng ghi nhận hồi phục

Doanh thu 3Q2025 của FPT đạt 17,226 tỷ VND (+10% YoY / +3.4% QoQ), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt khoảng 38%. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 3Q2025 ghi nhận 2,740 tỷ VND (+20.4% YoY / -9.5% QoQ). Sau Q3, FPT đã hoàn thành 66.3% kế hoạch doanh thu cả năm (49,949/75,400 tỷ VND) và 67.7% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (9,064/13,394 tỷ VND).

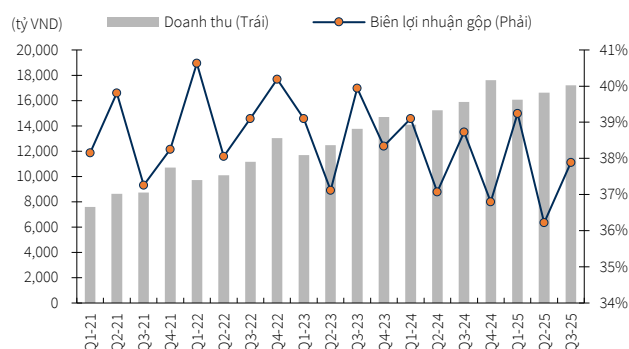
Mảng dịch vụ CNTT tại thị trường nước ngoài tăng trưởng khiêm tốn, song duy trì được mức tăng trưởng 2 chữ số, với doanh thu ước đạt 8,909 tỷ VND (+10% YoY). Điểm sáng của FPT trong quý đến từ giá trị hợp đồng ký mới hồi phục mạnh mẽ, đạt 9,454 tỷ VND (+46.6% YoY), đóng góp chính nhờ hợp đồng với tập đoàn năng lượng ở Châu Á có trị giá cao kỷ lục (256 triệu USD).

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh Q3/2025

(tỷ VND)	Q3/2024	Q3/2025	+/-%YoY	9M/2024	9M/2025	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	15,972	17,226	8%	45,311	49,949	10%	
CNTT Nước ngoài	8,095	8,909	10%	22,668	25,573	13%	
Nhật Bản	3,205	3,953	23%	8,917	11,264	26%	Đóng góp bởi i) Mức tăng trưởng 23.2% của doanh thu theo đồng Yên và ii) Mức tăng 2.3% của JPY/VND.
US	1,944	2,070	6%	5,663	6,087	7%	
EU	690	973	41%	1,934	2,528	31%	
APAC	2,256	1,913	-15%	6,154	5,694	-7%	
CNTT Trong nước	1,792	1,917	7%	5,296	5,376	2%	
Viễn thông	4,556	5,257	15%	12,800	14,287	12%	Ước tính tăng trưởng 9M/2025 các mảng broadband, data center, quảng cáo và PayTV lần lượt đạt 15%/5%/15%/12% YoY. Ước tính số học sinh tuyển mới đi ngang so với năm ngoái, khiến cho doanh thu giáo dục đi ngang.
Giáo dục	1,730	1,658	-4%	5,155	5,195	1%	
Đầu tư khác	-270	-205	-24%	-678	-544	-20%	
Lợi nhuận gộp	6,159	6,519	6%	17,320	18,841	9%	
Biên lợi nhuận gộp	38.6%	37.8%	-1 ppts	38.2%	37.7%	-1 ppts	
Thu nhập tài chính	327	613	87%	1,353	2,423	79%	Chủ yếu nhờ tăng gần 500 tỷ VND lãi chênh lệch tỷ giá và gần 114 tỷ VND cổ tức từ công ty liên kết.
Chi phí tài chính	308	353	15%	980	1,195	22%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	143	131	-8%	277	375	35%	Chủ yếu nhờ mức tăng trưởng 144% YoY LNST công ty mẹ của FRT trong 9M/2025.
SG&A	3,372	3,564	6%	9,865	10,974	11%	
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	2,787	2,955	6%	7,455	7,867	6%	
Thu nhập khác	-74	-6	-92%	-100	-31	-69%	
Lợi nhuận trước thuế	2,731	3,209	18%	7,728	9,064	17%	
Lợi nhuận sau thuế	2,479	2,902	17%	6,927	8,238	19%	
LNST công ty mẹ	2,089	2,435	17%	5,762	6,866	19%	
Biên LNST	16%	17%	1 ppts	15%	16%	1 ppts	

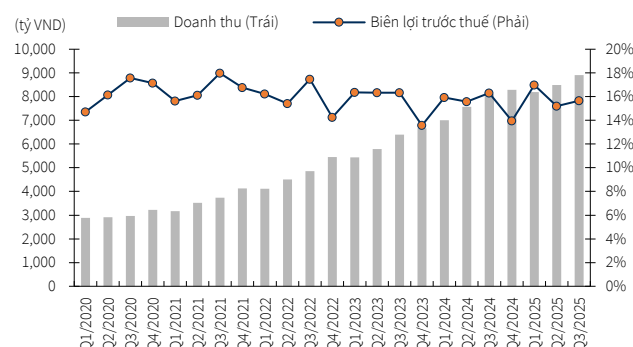
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Kết quả kinh doanh FPT, 2021-2025



Nguồn: FPT, KBSV

Biểu đồ 3. Kết quả kinh doanh nước ngoài, 2020-2025



Nguồn: FPT, KBSV

Mảng CNTT nước ngoài: Triển vọng hồi phục đến từ áp lực thuế quan hạ nhiệt và các thị trường quan trọng tiếp tục tăng trưởng

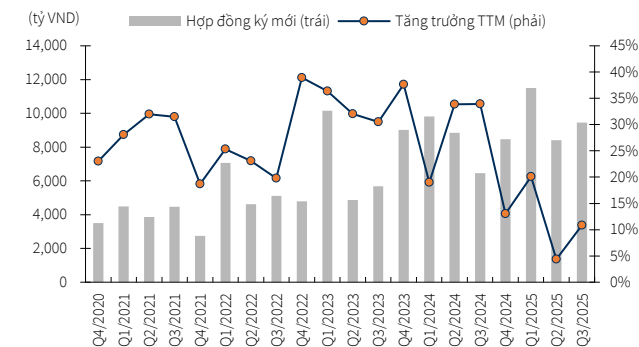
Xu hướng sụt giảm doanh thu của các công ty công nghệ thông tin toàn cầu diễn ra trong bối cảnh môi trường thương mại bất ổn kéo theo việc ngừng mở rộng hoặc thu hẹp ngân sách đầu tư kinh doanh. Với FPT, dù tăng trưởng doanh thu kìm mới nửa đầu năm gặp thách thức, giảm tốc so với cùng kỳ, từ 31% còn 12%, nhưng sự hồi phục 47% YoY doanh số kỷ mới của Q3 và 122% YoY của tháng 10 hứa hẹn kết quả kinh doanh sẽ sớm cải thiện nhờ môi trường thương mại toàn cầu hồi phục khi lo ngại thuế quan hạ nhiệt. KBSV cập nhật đánh giá triển vọng của lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin tại một số thị trường:

- **Thị trường Nhật Bản:** Theo khảo sát doanh nghiệp ngắn hạn (TANKAN), dự báo tăng trưởng chi tiêu phần mềm của các doanh nghiệp Nhật Bản trong 2025 sẽ đạt 13.4% YoY (+9.2 pts), thúc đẩy mạnh mẽ bởi nhóm dịch vụ tài chính ước đạt 28.8% YoY (+26.1 pts). Sang 2026 và các năm sau, gói kích thích kinh tế trị giá 110 tỷ USD của Nhật Bản được kỳ vọng sẽ tạo động lực tăng trưởng dài hạn cho doanh nghiệp thông qua tăng chi tiêu cho chuyển đổi số. Theo đó, chúng tôi điều chỉnh tăng nhẹ dự phóng doanh thu trong năm 2025/2026 tại Nhật Bản đạt 15,627/19,049 tỷ VND (+27%/22% YoY).
- **Thị trường APAC:** Hoạt động sản xuất thương mại bị ảnh hưởng do căng thẳng thuế quan dự kiến sẽ tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc tới các doanh nghiệp và hoạt động đầu tư chuyển đổi số. Hoạt động sản xuất nội địa các quốc gia này cũng bị đe dọa khi hàng hóa giá rẻ Trung Quốc ồ ạt nhập khẩu làm cạnh tranh gia tăng. Nhóm khách hàng tài chính trước đây vốn đẩy mạnh chuyển đổi số, cũng đồng thời cắt giảm chi tiêu do suy giảm tăng trưởng tín dụng và áp lực trích lập dự phòng đến từ các khoản vay cho hoạt động thương mại. Theo đó, chúng tôi điều chỉnh giảm dự phóng doanh thu trong năm 2025/2026 tại APAC đạt 7,663/7,663 tỷ VND (-7%/0% YoY).

Dựa trên KQKD 10 tháng đầu năm, chúng tôi điều chỉnh giảm nhẹ dự phóng tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài năm 2025 còn 13% YoY (từ mức 15% so với báo cáo trước), tương đương doanh thu đạt 35,114 tỷ VND để phản ánh sụt giảm doanh thu đáng kể đến từ các thị trường APAC và Hoa Kỳ sẽ được bù đắp 1 phần nhỏ đến từ tăng trưởng cao hơn tại Nhật Bản và EU. Sang năm 2026, tổng doanh thu mảng CNTT nước ngoài dự kiến đạt 40,064 tỷ VND (+14% YoY) và tiếp tục là động lực đóng góp tăng trưởng chính cho doanh thu toàn bộ

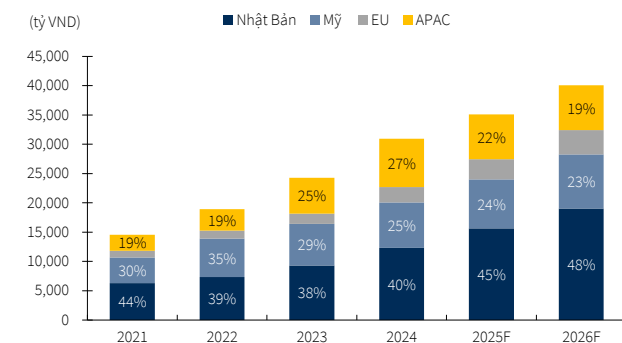
mảng CNTT đạt 49,057 tỷ VND (+12% YoY).

Biểu đồ 4. Tăng trưởng hợp đồng ký mới theo giá trị, 2020-2025



Nguồn: FPT, KBSV

Biểu đồ 5. Ước tính doanh thu đóng góp từ các thị trường nước ngoài, 2021-2026F



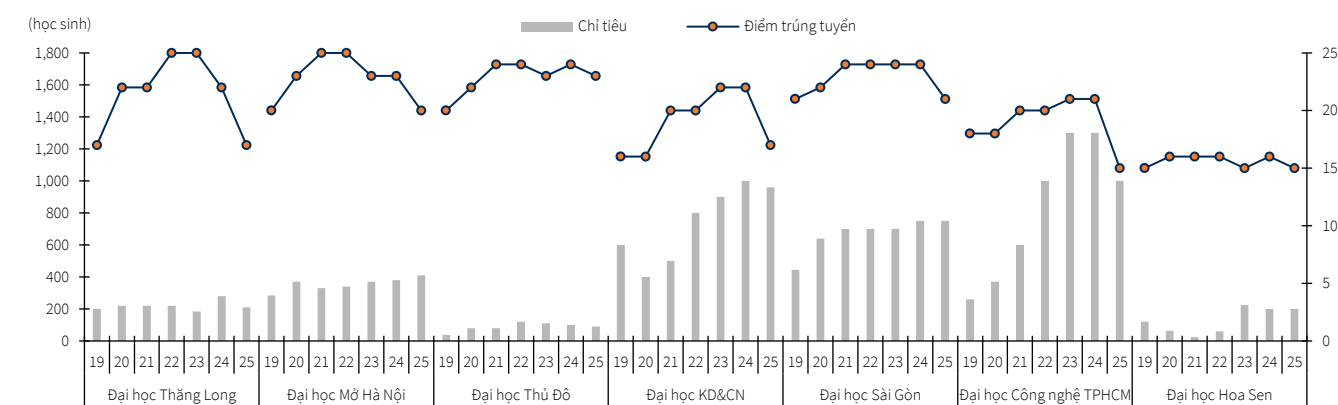
Nguồn: FPT, KBSV

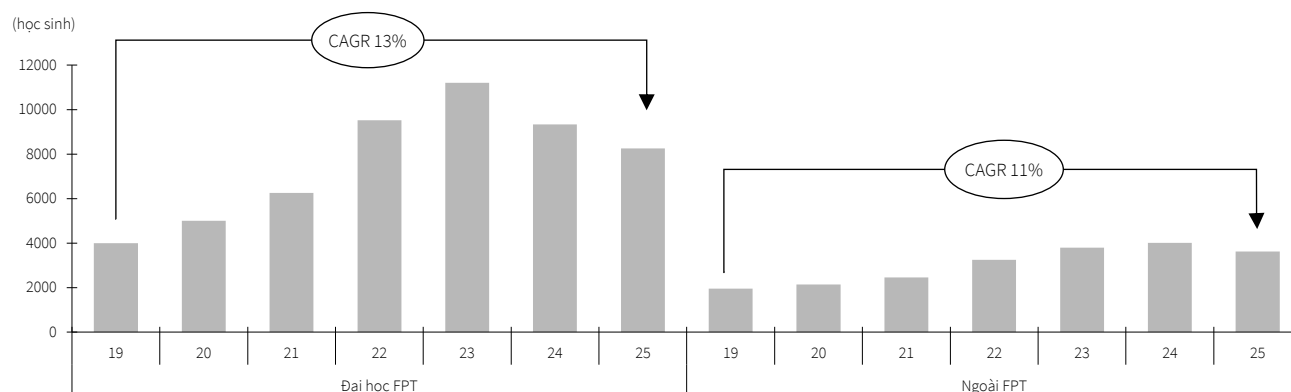
Mảng Giáo dục: Áp lực cạnh tranh trong ngắn hạn, trong khi chiến lược đa dạng hóa ngành học cần thời gian chứng minh hiệu quả

Theo thống kê, số lượng chỉ tiêu lĩnh vực công nghệ thông tin của các trường đại học khu vực Hà Nội và TP.HCM có mức điểm chuẩn 18-22 liên tục mở rộng, đạt tốc độ 11% CAGR trong giai đoạn 2019-2025, đã tạo áp lực cạnh tranh đáng kể lên số lượng nhập học trong hệ thống giáo dục FPT. Ngoài ra, xu hướng chuyển dịch sự quan tâm sang các ngành học mới (trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu) cũng là nguyên nhân khiến FPT sụt giảm chỉ tiêu tuyển sinh nhóm ngành công nghệ thông tin, vốn chiếm 65-70% tổng chỉ tiêu của trường. Theo doanh nghiệp chia sẻ, trong năm học 2025-2026, số lượng tuyển sinh mới người học của khối đại học đi ngang, trong khi khối phổ thông liên cấp tăng trưởng ở mức một chữ số. Chúng tôi điều chỉnh giảm dự phóng doanh thu mảng giáo dục và đầu tư của FPT còn 2%/3% YoY trong giai đoạn 2025/26, tương đương 6,278/6,481 tỷ VND để phản ánh sự gia tăng cạnh tranh trong việc thu hút người học với khối công lập ảnh hưởng tới KQKD trong 2-3 năm tới của doanh nghiệp.

Trong dài hạn, khi các chương trình đào tạo mới được kiểm nghiệm và chứng minh hiệu quả, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ cải thiện nhanh chóng nhờ các cơ sở giáo dục mới đưa vào khai trương cho phép FPT mở rộng công suất giảng dạy tối đa 25,100 người học.

Biểu đồ 6. Chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn của ngành CNTT tại một số trường đại học toàn quốc, 2019-2025



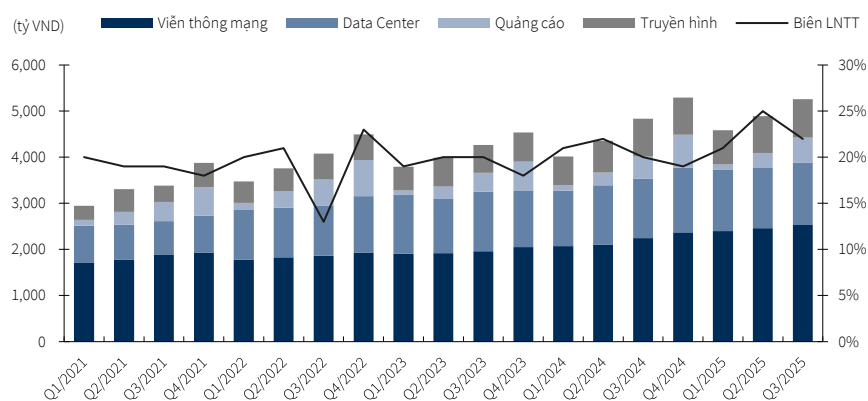
Biểu đồ 7. Tăng trưởng chỉ tiêu tuyển sinh ngành CNTT của FPT với các trường có cùng mức điểm chuẩn

Nguồn: KBSV

Mảng Viễn thông: Broadband tăng trưởng tích cực, Data center & PayTV có nhiều tiềm năng dài hạn

Trong Q3/2025, mảng viễn thông ghi nhận tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trước thuế ở mức 2 con số, lần lượt đạt 5,257 tỷ VND (+15% YoY) và 1,132 tỷ VND (+25% YoY). Broadband tiếp tục là lĩnh vực dẫn dắt tăng trưởng với doanh thu ước đạt 2,532 tỷ VND (+13% YoY), trong khi mảng quảng cáo đóng góp bởi công ty con là FOC đem về 211 tỷ VND, tăng trưởng nhẹ 10% YoY.

Dù FPT mới đưa vào khai thác Trung tâm dữ liệu Quận 9 với công suất 7,000 racks (+30% YoY), tăng trưởng doanh thu chúng tôi ước tính là chưa đáng kể do cạnh tranh gắt gao đến từ các đối thủ. Dù vậy trong dài hạn, tốc độ tăng trưởng bền vững của thị trường Data Center của Việt Nam ước đạt 11%/năm sẽ ủng hộ tăng trưởng người dùng và công suất cho thuê của FPT. Mảng PayTV đóng vai trò bổ sung trong hệ sinh thái dịch vụ của FPT sẽ tiếp tục kinh doanh thuận lợi. Theo đó, KBSV dự báo mảng Data center và PayTV sẽ tiếp tục là trụ cột đóng góp tăng trưởng cho mảng viễn thông của FPT, đạt tăng trưởng 12%/10.3% trong 2025/2026, tương đương mức doanh thu 19.708/21,735 tỷ VND.

Biểu đồ 8. Ước tính doanh thu của mảng Viễn thông theo lĩnh vực

Nguồn: KBSV ước tính từ báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ

DỰ PHÓNG KQKD VÀ ĐỊNH GIÁ

Bảng 9. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VNĐ)	2024	2025F	+/-%YoY	2026F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	62,963	69,561	10%	77,053	11%	Điều chỉnh giảm 1%/2% so với dự báo trước do giảm nhẹ tăng trưởng doanh thu CNTT tại APAC và mảng giáo dục & đầu tư do số người học dự kiến đi ngang trong 2025/2026.
CNTT Nước ngoài	30,952	35,114	13%	40,064	14%	
Nhật Bản	12,325	15,627	27%	19,049	22%	
Mỹ	7,751	8,371	8%	9,208	10%	
EU	2,636	3,453	31%	4,144	20%	
APAC	8,240	7,663	-7%	7,663	0%	
CNTT Trong nước	8,157	8,565	5%	8,993	5%	Điều chỉnh tăng do bổ sung lãi chênh lệch tỷ giá và cổ tức được chia.
Viễn thông	17,618	19,606	11%	21,520	10%	
Giáo dục & Đầu tư	6,129	6,278	2%	6,481	3%	
Lợi nhuận gộp	23,800	25,893	9%	29,127	12%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	37.8%	37.2%	-1 ppts	37.8%	1 ppts	
Thu nhập tài chính	1,929	2,955	53%	3,169	7%	Điều chỉnh giảm 23%/35% so với dự phóng trước do kết quả kém tích cực của FPT Syntex trong 9M/2025.
Chi phí tài chính	1,812	1,642	-9%	1,546	-6%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	394	557	41%	705	27%	
SG&A	13,284	14,699	11%	16,281	11%	
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	10,516	11,194	6%	12,846	15%	
Thu nhập khác	-103	0	-100%	0	-100%	
Lợi nhuận trước thuế	11,071	13,257	20%	15,367	16%	
Lợi nhuận sau thuế	9,420	11,223	19%	13,155	17%	
LNST công ty mẹ	7,849	9,349	19%	10,958	17%	
<i>Biên LNST</i>	15%	16%	1 ppts	17%	1 ppts	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 121,800 VND/cổ phiếu

Giá cổ phiếu FPT đã hồi phục về vùng giá đóng cửa hồi tháng 8/2025 sau khi có mức giảm 10% trước những lo ngại về kết quả kinh doanh kém tích cực. KBSV duy trì dự báo tăng trưởng LNST công ty mẹ của FPT ở mức 17-20% trong vòng 2 năm tới dựa trên dấu hiệu hồi phục tích cực của giá trị hợp đồng ký mới các tháng gần đây sẽ tiếp tục duy trì vào tăng trưởng Q4/2025 và 2026. Theo đó, vùng định giá hiện tại của FPT quanh mức P/E 20x ~ trung bình 5 năm là phù hợp cho việc giải ngân cổ phiếu.

Chúng tôi sử dụng 2 phương pháp định giá là chiết khấu dòng tiền (DCF) và bội số P/E, tỷ lệ là 50:50. Theo đó, mức giá chúng tôi đưa ra cho cổ phiếu FPT là 121,800 VND/cổ phiếu, cao hơn 24.9% so với giá đóng cửa ngày 04/12/2025.

Bảng 10. Định giá FCFF

(Tỷ VND)	Phương pháp	Giá trị của FPT
Giá trị tích lũy		52,294
Giá trị dòng tiền vĩnh viễn	EV/EBITDA 8x	109,867
Tổng giá trị		162,161
(+) Tiền & Đầu tư ngắn hạn		36,979
(-) Vay nợ ròng		-19,588
(-) Lợi ích cổ đông thiểu số		-7,040
Giá trị VCSH		172,512
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu CP)		1,471.00
Giá trị cổ phiếu		117,300

Nguồn: KBSV

Bảng 11. Định giá P/E

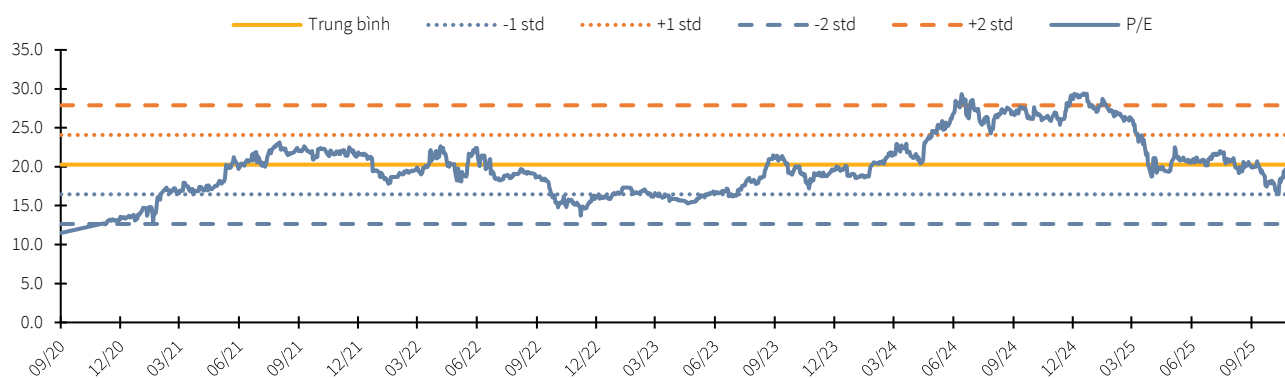
(Tỷ VND)	P/E	Giá trị của FPT
Mảng CNTT	21	81,987
Mảng Viễn thông	15	18,033
Mảng Giáo dục và đầu tư	17	26,257
Giá mục tiêu		126,300

Nguồn: KBSV

Bảng 12. Tổng hợp định giá

Phương pháp	Giá dự phóng (VND)	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng (VND)
FCFF	117,300	50%	58,650
P/E	126,300	50%	63,150
Giá mục tiêu			121,800
Giá hiện tại (04/12/2025)			97,500
Upside			24.9%

Nguồn: KBSV

Biểu đồ 13. Diễn biến P/E của FPT

Nguồn: Bloomberg, KBSV

CTCP FPT (FPT) – Bảng tóm tắt KQKD & Dự phóng 2023A-2026F

Báo cáo Kết quả HKKD (Tỷ VNĐ)					Bảng cân đối kế toán (Tỷ VNĐ)				
(Báo cáo chuẩn)	2023	2024	2025F	2026F	(Báo cáo chuẩn)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh số thuần	52,618	62,849	69,561	77,053	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	60,283	72,013	80,244	91,027
Giá vốn hàng bán	-32,298	-39,049	-43,669	-47,926	TÀI SẢN NGẮN HẠN	36,705	45,475	51,014	57,273
Lãi gộp	20,320	23,800	25,893	29,127	Tiền và tương đương tiền	8,279	9,315	7,451	9,214
Thu nhập tài chính	2,336	1,929	2,955	3,169	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	27,756	30,695
Chi phí tài chính	-1,718	-1,812	-1,642	-1,546	Các khoản phải thu	9,674	11,380	12,595	13,952
Trong đó: Chi phí lãi vay	-833	-552	-1,642	-1,546	Hàng tồn kho, ròng	1,593	1,836	2,053	2,253
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	42	394	557	705	TÀI SẢN DÀI HẠN	23,578	26,538	29,230	33,754
Chi phí bán hàng	-5,243	-6,205	-6,866	-7,605	Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-6,625	-7,079	-7,833	-8,676	Tài sản cố định	12,382	12,800	16,154	20,130
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	9,112	11,027	13,064	15,174	Tài sản dở dang dài hạn	1,315	2,560	1,500	1,500
Thu nhập khác	91	45	45	45	Đầu tư dài hạn	3,335	3,319	3,712	4,260
Chi phí khác	-201	-148	-148	-148	Lợi thế thương mại	1,284	1,097	1,097	1,097
Thu nhập khác, ròng	292	193	193	193	NỢ PHẢI TRẢ	30,350	36,217	37,148	38,705
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	1	2	3	Nợ ngắn hạn	30,671	35,800	37,234	38,792
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	9,404	11,220	13,257	15,367	Phải trả người bán	15,814	20,334	22,740	24,957
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-1,651	-1,967	-2,305	-2,609	Người mua trả tiền trước	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	7,788	9,420	11,223	13,155	Vay ngắn hạn	13,838	14,446	13,473	12,813
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,323	1,571	1,874	2,197	Nợ dài hạn	698	1,436	935	935
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	6,465	7,849	9,349	10,958	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Chỉ số hoạt động					Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
	2023	2024	2025F	2026F	Doanh thu chưa thực hiện	490	935	935	935
Tỷ suất lợi nhuận gộp	38.6%	37.9%	37.2%	37.8%	Vay dài hạn	208	501	0	0
Tỷ suất EBITDA	20.4%	20.8%	19.6%	19.8%	VỐN CHỦ SỞ HỮU	29,933	35,797	43,096	52,322
Tỷ suất EBIT	16.1%	16.7%	16.1%	16.7%	Vốn góp	12,700	14,711	14,711	14,711
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	17.5%	17.6%	19.1%	19.9%	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
Tỷ suất lãi hoạt động KD	17.3%	17.5%	18.8%	19.7%	Lãi chưa phân phối	8,674	11,024	16,843	24,498
Tỷ suất lợi nhuận thuần	14.8%	15.0%	16.1%	17.1%	Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	3,600	4,128	4,037	4,037
					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4,959	5,934	7,505	9,076
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tỷ VNĐ)					Chỉ số chính (x, %, VNĐ)				
	2023	2024	2025F	2026F	Chỉ số định giá				
Lãi trước thuế	9,203	11,071	13,190	15,460	P/E	23.9	22.8	19.2	16.4
Khấu hao TSCĐ	2,287	2,560	2,422	2,422	P/E pha loãng	23.9	22.8	19.2	16.4
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-1,976	-1,720	-3,741	-4,264	P/B	5.2	5.0	4.2	3.4
Chi phí lãi vay	833	552	1,642	1,546	P/S	2.9	2.9	2.6	2.3
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	10,991	13,599	13,513	15,164	P/Tangible Book	5.2	5.0	4.2	3.4
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-1,163	-1,892	-1,215	-1,357	P/Cash Flow	16.3	14.1	16.5	15.0
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	396	-244	-217	-200	Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	13.9	12.9	12.1	10.6
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	1,380	3,930	2,406	2,217	Giá trị doanh nghiệp/EBIT	17.7	16.1	14.7	12.6
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	65	-418	0	0					
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuê và khác	-2,136	-2,270	-3,593	-3,835	Hiệu quả quản lý				
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	9,517	12,689	10,878	11,974	ROE%	26	26	26	25
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-3,978	-4,261	-4,716	-6,398	ROA%	13	13	14	14
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	29	14	0	0	ROIC%	24	25	23	23
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-33,536	-42,720	-43,018	-39,986	Cấu trúc tài chính				
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	30,458	37,047	37,047	37,047	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.8	0.9	1.0	1.0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-1,754	-1,173	0	0	Tỷ suất thanh toán nhanh	1.1	1.2	1.3	1.4
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	95	48	48	48	Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.2	1.3	1.4	1.5
Cổ tức và tiền lãi nhận được	2,137	1,597	3,348	3,716	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.0	0.0	0.0	0.0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-6,548	-9,447	-7,339	-5,621	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	73	163	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.5	0.4	0.3	0.2
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.2	0.2	0.2	0.1
Tiền thu được các khoản đi vay	34,271	31,903	31,903	31,903	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	1.0	1.0	0.9	0.7
Tiến trả các khoản đi vay	-32,552	-30,970	-33,377	-32,563	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.5	0.5	0.5	0.4
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	-30	-2	0	0	Tổng công nợ/Vốn CSH	1.0	1.0	0.9	0.7
Cổ tức đã trả	-2,931	-3,292	-3,929	-3,929	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.5	0.5	0.5	0.4
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0	Chỉ số hoạt động				
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-1,168	-2,198	-5,403	-4,590	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	6.0	6.0	5.5	5.6
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,800	1,044	-1,864	1,763	Hệ số quay vòng HTK	20.3	21.3	21.3	21.3
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	6,440	8,279	9,315	7,451	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	3.6	3.8	3.6	3.6
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	8,279	9,315	7,451	9,214					

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1&2, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Phường Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.